

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1.30.QĐ-SIU ngày 28 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	7340101
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị du lịch

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo hướng đến đào tạo những cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị du lịch chuẩn quốc tế hàng đầu Việt Nam, có kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc về quản trị du lịch; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị du lịch trong nước và thế giới.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Sinh viên thành thạo các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp.
- **PO2:** Sinh viên hiểu và biết cách sử dụng dữ liệu và các thông tin liên quan để giải quyết vấn đề.
- **PO3:** Sinh viên biết cách đánh giá thông tin và đưa ra giải pháp cụ thể.
- **PO4:** Sinh viên hiểu được các giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội khi đưa ra các quyết định kinh doanh.
- **PO5:** Sinh viên tiếp thu được các khái niệm chính về kinh tế, marketing, kế toán, tài chính, quản lý và nhân sự.
- **PO6:** Sinh viên nâng cao được tinh thần làm việc nhóm thông qua hợp tác và cộng tác.
- **PO7:** Sinh viên học được các kỹ thuật và chiến lược đa dạng nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật vào trong lĩnh vực quản trị du lịch. PLO2: Vận dụng kiến thức nghiệp vụ hướng dẫn viên, tổ chức và điều hành tour, marketing du lịch, tâm lý du khách để giải quyết các vấn đề trong công việc của các tổ chức. PLO3: Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát thực hiện kế hoạch; quản lý, điều hành hoạt động quản trị du lịch của các tổ chức. PLO4: Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin vào trong công việc trong môi trường làm việc thay đổi nhanh chóng, đa dạng văn hóa và toàn cầu hóa.
Kỹ năng	PLO5: Phát hiện vấn đề phát sinh trong sản xuất, kinh doanh; phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và đưa ra giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề. PLO6: Thực hiện việc lập kế hoạch, đánh giá các phương án, phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi. PLO7: Thực hiện việc truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ trong kinh doanh và quản trị. PLO8: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm. PLO9: Phát triển kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo ra việc làm cho mình và cho người khác. PLO10: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO11: Thực hiện làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện kinh doanh thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. PLO12: Tổ chức việc hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. PLO13: Thực hiện việc tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. PLO14: Thực hiện việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
PO1				x						x				
PO2	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x
PO3	x	x	x		x	x	x						x	x
PO4	x	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PO5	x	x	x		x	x							x	
PO6							x	x	x		x	x	x	
PO7	x	x	x		x	x			x				x	x

4. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp Chương trình này, người học có thể làm việc trong môi trường kinh doanh lành mạnh với sự cạnh tranh cao, khả năng thích ứng với công việc nhanh chóng nhờ được trang bị khối kiến thức hợp lý cả cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, được chuyển tải vào kỹ năng nghề nghiệp, tổ chức cá nhân, kỹ năng giao tiếp linh hoạt qua thư điện tử và các phương tiện truyền thông trong môi trường quản trị hiện đại và kinh doanh đa văn hóa. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp Chương trình cử nhân Quản trị kinh doanh theo 2 nhóm ngành nghề chính:

(1) *Nhóm 1: Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp tại các doanh nghiệp*

- Chuyên viên, giảng viên tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch
- Các doanh nghiệp lữ hành: hướng dẫn viên DL nội địa và nước ngoài (inbound và outbound); điều hành và thiết kế tour (thương lượng với các nhà cung cấp, thiết kế sản phẩm thường xuyên của doanh nghiệp và theo yêu cầu của khách hàng); nhân viên đón tiếp và tư vấn bán hàng (tour, vé máy bay); tổ trưởng thị trường
- Các doanh nghiệp về giải trí: bảo tàng, các điểm tham quan (hướng dẫn tại điểm); trung tâm giải trí, trung tâm hội chợ triển lãm (điều hành, theo dõi khách hàng, tổ chức sắp xếp các dịch vụ vui chơi giải trí, sự kiện...)
- Các đơn vị dịch vụ khác: đại lý vé máy bay (tư vấn, thu ngân, xuất hoá đơn, đặt và huỷ vé), văn phòng DL tại các tỉnh thành (tiếp đón khách, hướng dẫn và giới thiệu các điểm tham quan, vui chơi giải trí); tư vấn du lịch (tư vấn khách hàng, thiết kế các dự án đầu tư DL, chiến lược marketing DL, chuẩn bị cho việc tung sản phẩm mới ra thị trường, dự báo,

kiểm tra,...); Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch các tỉnh thành (nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quy hoạch DL, trợ lý về chuyên môn cho lãnh đạo ngành DL..)

- Nhân viên trong các doanh nghiệp dịch vụ khác có bộ phận khách hàng (ngân hàng, công ty bất động sản, siêu thị, đại lý kinh doanh...), thương mại và marketing.

(2) **Nhóm 2 - Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:** tự tạo lập doanh nghiệp du lịch mới và quy mô nhỏ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý một doanh nghiệp, có đam mê và tinh thần sẵn sàng khởi nghiệp sáng tạo, trong tương lai sẽ đi theo thiên hướng trở thành những chủ doanh nghiệp có trí tuệ và bản lĩnh kinh doanh, tự lập thân, lập nghiệp.

5. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

6. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120** tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

7. Tiêu chí tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo:

10.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương		50	41,67%
1.1.	Lý luận chính trị	11	
1.2.	Khoa học	14	

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1.3.	Ngoại ngữ	13	
1.4.	Tin học	6	
1.5.	Văn hóa	9	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		60	50,00%
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	24	
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	36	
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	8,33%
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	3	
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng cộng:		120	100%

10.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				50					
I.1. Lý luận chính trị				11					
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	0	0	105	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	0	0	70	
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	0	0	70	
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	0	0	70	
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	0	70	
I.2. Khoa học				11					
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	0	0	70	
I.2.02	2SOC31494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45	0	0	105	
I.2.03	2BUS21440	Xác suất và thống kê	Probability & Statistics	3	45	0	0	105	2SOC11494
I.2.04	2BHM4307	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	3	45	0	0	105	
I.3. Ngoại ngữ				13					
I.3.01	2LAN22404	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	30	60	0	110	

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.3.02	2LAN22505	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	2LAN22404
I.3.03	2LAN22606	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	2LAN22505
I.4. Tin học				6					
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30	0	55	
I.4.02	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30	0	55	
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30	0	55	
I.5. Văn hoá				9					
Bắt buộc				6					
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition (*)	3	45	0	0	105	
I.5.02	2SOC11490	Văn hóa Mỹ	American Culture (*)	3	45	0	0	105	
Tự chọn (03 tín chỉ)				3					
I.5.03.01	2ENG11492	Viết văn Anh	English Expository Writing (*)	3	45	0	0	105	
I.5.03.02	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20	20 th Century British Novels	3	45	0	0	105	
I.5.03.03	2ENG12402	Văn học và Shakespeare	Shakespeare & Literature	3	45	0	0	105	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				60					
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				24					
II.1.01	2BUS11407	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	0	0	105	
II.1.02	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	0	0	105	2BUS11407
II.1.03	2BUS12426	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45	0	0	105	
II.1.04	2BUS12408	Kinh tế lượng	Econometrics	3	45	0	0	105	2BUS21440
II.1.05	2BUS21416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45	0	0	105	
II.1.06	2BHM5315	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	Human Resource Management in Hotels	3	45	0	0	105	2BUS21416
II.1.07	2BUS12412	Quản trị tài chính	Financial Management	3	45	0	0	105	
II.1.08	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45	0	0	105	2BUS12417
II.2. Kiến thức chuyên ngành				36					
Bắt buộc				30					

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.2.01	2BHM1301	Nhập môn du lịch và khách sạn	Introduction to Tourism and Hospitality	3	45	0	0	105	
II.2.02	2BHM2302	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	3	45	0	0	105	
II.2.03	2THS8301	Tổ chức và điều hành tour (*)	Tour Design and Operations	2	15	30	0	55	
II.2.04	2BHM2301	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	Psychology and Communication in Tourism	3	45	0	0	105	
II.2.05	2THS7303	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Tourist Attractions in Vietnam	3	45	0	0	105	
II.2.06	2THS12410	Marketing du lịch và khách sạn	Tourism and Hotel Marketing	3	45	0	0	105	2BUS11403
II.2.07	2BHM7325	Quản trị tổ chức hội nghị và sự kiện	Conference & Event Management	3	45	0	0	105	2BHM4310 2BHM6316
II.2.08	2THS8305	Thiết kế và kinh doanh dịch vụ du lịch (*)	Tourism Service Development and Sale	2	15	30	0	55	
II.2.09	2THS7306	Nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch nội địa	Domestic Tour Guiding	3	45	0	0	105	2THS12482
II.2.10	2THS7307	Nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch quốc tế	International Tour Guiding	3	45	0	0	105	2THS7306
II.2.11	2THS3202	Du lịch và môi trường	Tourism and Environment	2	30	0	0	70	
Tự chọn (chọn 6 tín chỉ)				6					
II.2.11.01	2THS2459	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí	Leisure and Recreation Services Management	3	45	0	0	105	
II.2.11.02	2BHM6321	Kinh doanh du lịch MICE (*)	Meeting Incentive Conference Event Tourism	3	45	0	0	105	
II.2.11.03	2THS3491	Du lịch sinh thái	Ecotourism	3	45	0	0	105	
II.2.11.04	2THS3492	Bảo vệ môi trường	Environmental Protection	3	45	0	0	105	
II.2.11.05	2THS12412	Quản trị khuyến mãi	Promotion Management	3	45	0	0	105	
II.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp				10					
II.3.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					
II.3.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7					
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT				16					
Bắt buộc, không tích lũy				16					

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
III.1	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	0	150	0	100	
III.2	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	National Defense and Security Education	11					

Ghi chú: (*) các môn học bằng tiếng Anh

Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

Một giờ học được tính bằng 50 phút.

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG														
Lý luận chính trị	M						I					R		
Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	M						I					R		
Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	M						I					R		
Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	M						I					R		
Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Thought	R						I					R		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of The Communist Party of Vietnam	R						I					R		
Khoa học	M	R	R	M	R	R	I	I		R	I	R	R	R
Pháp luật đại cương General Laws	M						I					R		
Toán cao cấp Advanced Mathematics	M						I					R		
Xác suất và thống kê Probability & Statistics	M	R	R	M	R	R		R			I		R	R
Phương pháp nghiên khoa học Research Methodology	R	R	R		M	R		I		R		R	M	M
Ngoại ngữ			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 1			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 2			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 3			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tin học	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ xử lý hình ảnh	R			M	R	R		R		M			R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Image Processing Tools														
Công cụ Quản lý dự án Project Management Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu Data Analytics and Visualization Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Văn hoá			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Bắt buộc														
Viết luận Anh English Composition			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn hóa Mỹ American Culture			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tự chọn														
Viết văn Anh English Expository Writing			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 20th Century British Novels			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn học và Shakespeare Shakespeare & Literature			R	M	R	R	R			M	R		R	R
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
Kiến thức cơ sở ngành	R	R	M		R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
Kinh tế vi mô Microeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Nguyên lý kế toán Principles of Accounting		R	R		R	R							R	R
Kinh tế lượng Econometrics			R		R	R							R	R
Quản trị học Fundamentals of Management		M	M		R	R	R	R	R		R			R
Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn Human Resource Management in Hotels		R	M				R	R	R		R			R
Quản trị tài chính Financial Management		R	R		R	R			R				R	R
Quản trị chiến lược Strategic Management		R	R		R	R			R			R	R	R
Kiến thức chuyên ngành		M	M	R	M, A	M	M		M, A	R	R	R	R	R
Bắt buộc														
Nhập môn du lịch và khách sạn Introduction to Tourism and Hospitality		R,A			R,A		R,A		R,A			R,A		
Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	R						R					R		
Tổ chức và điều hành tour Tour Design and Operations		R	R		R,A	R			R				R	R
Tâm lý và giao tiếp trong du lịch		R	R		M	M	R				R		R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Psychology and Communication in Tourism														
Tuyển điểm du lịch Việt Nam Tourist Attractions in Vietnam		R	R		M	R			R				R	R
Marketing du lịch và khách sạn Tourism and Hotel Marketing		R	R		M	R	R				R		R	R
Quản trị tổ chức hội nghị & sự kiện Conference & Event Management		M	R,A		M	M	M				R		R	R
Thiết kế và kinh doanh dịch vụ du lịch Tourism Services Development and Sale		M	M	R	R	M,A	M		M,A	R	R	R	R	R
Nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch nội địa Domestic Tour Guiding		M	M	R	R	M,A	M		M,A	R	R	R	R	R
Nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch quốc tế International Tour Guiding		M	M	R	R	M,A	M		M,A	R	R	R	R	R
Du lịch và môi trường Tourism and Environment		R	R		M	R	R				R		R	R
Tự chọn														
Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí Leisure and Recreation Services Management		R	R		M	R	R				R		R	R
Kinh doanh du lịch MICE Meeting Incentive Conference Event Tourism		R	R		M	R	R				R		R	R
Du lịch sinh thái Ecotourism		R	R		M	R	R				R		R	R
Bảo vệ môi trường Environment Protection		R	R		M	R	R				R		R	R
Quản trị khuyến mãi Promotion Management		R	R		M	R	R				R		R	R
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A
Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	R, A	R,A	R,A	R,A	M,A	R,A	R,A	I,A	M,A	M,A	R,A	M,A	R,A	R,A
Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	M, A	M, A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A	M,A
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT														
Bắt buộc, không tích lũy														
Giáo dục Quốc Phòng và An ninh National Defense and Security Education	M											M		
Giáo dục thể chất Physical Education	R											R		

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới

thiếu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;

- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thực/thành thạo;

Học phần cốt lõi - A (Assessed): Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

10.4. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2BUS11407	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	45	0	0	105	
2	2SOC31494	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS21416	Quản trị học <i>Fundamentals of Management</i>	3	45	0	0	105	
4	2BHM1301	Nhập môn du lịch và khách sạn <i>Introduction to Tourism and Hospitality</i>	3	45	0	0	105	
5	2BHM2302	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundametals of Vietnamese Culture</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			15					
Tổng số tín chỉ HK1			15					
Học kỳ 2								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical Education 1</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2BHM5315	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn <i>Human Resource Management in Hotels</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS21440	Xác suất và thống kê <i>Probability & Statistics</i>	3	45	0	0	105	
5	2BHM2301	Tâm lý và giao tiếp trong du lịch <i>Psychology and Communication in Tourism</i>	3	45	0	0	105	
6	2THS12410	Marketing du lịch và khách sạn <i>Tourism and Hotel Marketing</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK2			15					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Tổng số tín chỉ HK2			16					
Học kỳ hè năm 1								
1	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh <i>National Defense and Security Education</i>	11					Không tích lũy
2	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3	45	0	0	105	
3	2GEN0008	Pháp luật đại cương <i>General Laws</i>	2	30	0	0	70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 1			5					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 1			16					
Học kỳ 3								
1	2LAN22404	English Proficiency 1	4	30	60	0	105	
2	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh <i>Image Processing Tools</i>	2	15	30	0	55	
3	2BUS12408	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	45	0	0	105	
4	2THS7306	Nghệ vụ hướng dẫn viên du lịch nội địa <i>Domestic Tour Guiding</i>	3	45	0	0	105	
5	Môn tự chọn (chọn 06 tín chỉ)							
5.1	2BHM6321	Kinh doanh du lịch MICE (*) <i>Meeting Incentive Conference Event Tourism</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
5.2	2THS3491	Du lịch sinh thái <i>Ecotourism</i>	3	45	0	0	105	
5.3	2THS3492	Bảo vệ môi trường <i>Environmental Protection</i>	3	45	0	0	105	
5.4	2THS2459	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí <i>Leisure and Recreation Services Management</i>	3	45	0	0	105	
5.5	2THS12412	Quản trị khuyến mãi <i>Promotion Management</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK3			18					
Tổng số tín chỉ HK3			18					
Học kỳ 4								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical Education 2</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2LAN22505	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	
3	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án <i>Project Management Tools</i>	2	15	30	0	55	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
4	2BUS12426	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	45	0	0	105	
5	2THS7307	Nghề nghiệp hướng dẫn viên du lịch quốc tế <i>International Tour Guiding</i>	3	45	0	0	105	
6	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	30	0	0	70	
7	2BHM7325	Quản trị tổ chức hội nghị và sự kiện <i>Conference & Event Management</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK4			17					
Tổng số tín chỉ HK4			18					
Học kỳ 5								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 <i>Physical Education 3</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu <i>Data Analytics and Visualization Tools</i>	2	15	30	0	55	
3	2LAN22606	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	
4	2BUS12412	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS13408	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	45	0	0	105	
6	2THS3202	Du lịch và môi trường <i>Tourism and Environment</i>	2	30	0	0	70	
7	Môn tự chọn (Chọn 03 tín chỉ)							
7.1	2ENG11492	Viết văn Anh <i>English Expository Writing</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
7.2	2ENG12402	Văn học và Shakespeare <i>Shakespeare & Literature</i>	3	45	0	0	105	
7.3	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 <i>20th Century British Novels</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK5			18					
Tổng số tín chỉ HK5			19					
Học kỳ 6								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 <i>Physical Education 4</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	70	
3	2BHM4307	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	45	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
4	2ENG11491	Viết luận Anh <i>English Composition</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
5	2SOC11490	Văn hóa Mỹ <i>American Culture</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
6	2THS8305	Thiết kế và kinh doanh dịch vụ du lịch <i>Tourism Service Development and Sale</i>	2	15	30	0	55	Môn học bằng tiếng Anh
7	2THS8301	Tổ chức và điều hành tour <i>Tour Design and Operations</i>	2	15	30	0	55	Môn học bằng tiếng Anh
8	2THS7303	Tuyến điểm du lịch Việt Nam <i>Tourist Attractions in Vietnam</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6			18					
Tổng số tín chỉ HK6			19					
Học kỳ hè năm 3								
1	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	30	0	0	70	
2	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	30	0	0	70	
3	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 <i>Physical Education 5</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 3			4					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 3			5					
Học kỳ 7								
1	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	3					
2	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	7					
Tổng số tín chỉ tích lũy HK7			10					
Tổng số tín chỉ HK7			10					

11. Sơ đồ chương trình giảng dạy:



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DU LỊCH

HỌC KỲ 1	HỌC KỲ 2	HỌC KỲ 3	HỌC KỲ 4	HỌC KỲ 5	HỌC KỲ 6	HỌC KỲ 7
Triết học Mác - Lê nin / Philosophy of Marxism and Leninism / 2GEN0011 / 3 Pháp luật đại cương / General Laws / 2OEN0008 / 2 Giáo dục thể chất 1 / Physical Education 1 / 2OEN0002 / 1 Kinh tế vi mô / Microeconomics / 2BUS11407 / 3 Quản trị học / Fundamentals of Management / 2BUS11416 / 3 Toán cao cấp / Advanced Mathematics / 2SOC11491 / 3 Marketing căn bản / Principles of Marketing / 2BUS11403 / 3	Giáo dục thể chất 1 / Physical Education 1 / 2OEN0002 / 1 Kinh tế vi mô / Macroeconomics / 2BUS11408 / 3 Quản trị nguồn nhân lực / Human Resource Management / 2BUS12417 / 3 Xác suất và thống kê / Probability & Statistics / 2BUS12440 / 3 Tâm lý du khách ("Y" Tourist Behavior / 2THS22482 / 3 Marketing du lịch và khách sạn / Tourism and Hotel Marketing / 2THS12410 / 3 Du lịch và môi trường / Tourism and Environment / 2THS32202 / 2	Triết học Mác - Lê nin / Philosophy of Marxism and Leninism / 2OEN0011 / 3 Công cụ xử lý hình ảnh / Image processing tools / 2OEN2096 / 2 Giáo dục thể chất 2 / Physical Education 2 / 2OEN0002 / 1 Giáo dục Quốc phòng và An ninh / National Defense and Security Education / 2OEN0001 / 11 English Proficiency 1 / 2LAN22404 / 4 Quản trị chiến lược / Strategic Management / 2BUS13408 / 3 Kinh tế vi mô / Economics / 2BUS12408 / 3 Nghệ thuật hướng dẫn viên du lịch nội địa / Domestic Tour Guiding / 2THS7206 / 3 Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí / Leisure and recreation services management / 2THS2459 / 6 Quản trị khuyến mại / Promotion Management / 2THS12412 / 3 Kinh doanh du lịch MICE / Meeting Incentive Conference Event Tourism / 2THS2310 / 3 Du lịch sinh thái / Ecotourism / 2THS1393 / 3 Bảo vệ môi trường / Environmental Protection / 2THS3452 / 3	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin / Political Economics of Marxism and Leninism / 2OEN0012 / 2 Công cụ Quản lý dự án / Project Management Tools / 2OEN2097 / 2 Giáo dục thể chất 2 / Physical Education 2 / 2OEN0002 / 1 English Proficiency 2 / 2LAN22405 / 4 Nguồn lý kế toán / Principles of Accounting / 2BUS12426 / 3 Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện / Public Relations & Event Management / 2BUS11485 / 3 Nghệ thuật hướng dẫn viên du lịch quốc tế / International Tour Guiding / 2THS7207 / 3 Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí / Leisure and recreation services management / 2THS2459 / 6 Quản trị khuyến mại / Promotion Management / 2THS12412 / 3 Kinh doanh du lịch MICE / Meeting Incentive Conference Event Tourism / 2THS2310 / 3 Du lịch sinh thái / Ecotourism / 2THS1393 / 3 Bảo vệ môi trường / Environmental Protection / 2THS3452 / 3	Chẩn đoán và hội thảo học / Scientific Sociation / 2OEN0013 / 2 Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu / Data Analysis and Visualization Tools / 2OEN2098 / 2 Giáo dục thể chất 3 / Physical Education 3 / 2OEN0002 / 1 English Proficiency 3 / 2LAN22408 / 5 Quản trị tài chính / Financial Management / 2BUS12412 / 3 Kỹ năng giao tiếp và tổ chức sinh hoạt trong du lịch / Communication and Event Management Skills in Tourism / 2THS7492 / 3 Viết văn Anh / English Expository Writing / 2ENG11492 / 3 Văn học và Shakespeare / Shakespeare & Literature / 2ENG12402 / 3 Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 / 20th Century British Novels / 2ENG11493 / 3 Thủ tục và kinh doanh dịch vụ du lịch ("Y" Tourism Services Development and Sale / 2THS3305 / 2	Chẩn đoán và hội thảo học / Scientific Sociation / 2OEN0013 / 2 Văn hóa Mỹ / American Culture / 2SOC11490 / 3 Giáo dục thể chất 4 / Physical Education 4 / 2OEN0002 / 1 Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh / Business Research Methods / 2BUS32201 / 3 Tổ chức và điều hành tour ("Y" Tour Design and Operations / 2THS3101 / 2 Tuyến điểm du lịch Việt Nam / Tourist Attractions in Vietnam / 2THS7203 / 3 Viết văn Anh / English Composition / 2ENG11491 / 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology / 2OEN0007 / 2 Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam / History of Vietnamese Communist Party / 2OEN0014 / 2 Giáo dục thể chất 5 / Physical Education 5 / 2OEN0002 / 1 Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship / 2CT58331 / 3 Khóa luận tốt nghiệp / Graduation Thesis / 2CT58749 / 7
Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12	Số tín chỉ trước học kỳ / 12 Số tín chỉ của các học phần không tích lũy / 0 Số tín chỉ tích lũy trước học kỳ / 12

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi khoa/đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học thống nhất đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Sư phạm Quốc tế Sài Gòn.

13. Mô tả môn học:

13.1. *Triết học Mác-Lênin*

Học phần có 11 chương, bao gồm 2 lĩnh vực chính:

- Những nguyên lý, quy luật, phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- Những quy luật, những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

13.2. *Kinh tế chính trị Mác-Lênin*

Thứ nhất: Những nội dung cơ bản về lý luận kinh tế chính trị: Lý luận về hàng hóa - tiền tệ và giá trị thặng dư; về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Thứ hai: Các nội dung của kinh tế chính trị thời kỳ quá độ ở Việt Nam: Thời kỳ quá độ và các nội dung nhiệm vụ kinh tế - chính trị, sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta đối với các nhiệm vụ, nội dung của thời kỳ quá độ.

13.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

Môn học có 10 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

13.4. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Gồm 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

13.5. *Tư tưởng Hồ Chí Minh*

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

13.6. *Pháp luật đại cương*

Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước

CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành Chính, Luật Dân Sự, Luật Hình Sự

13.7. Văn hóa Mỹ

Môn học này cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản của 1 văn bản hay, lời khuyên thiết thực cho một tác phẩm và một số kỹ năng viết cơ bản, đồng thời giúp sinh viên thực hành những kỹ năng đó. Sinh viên sẽ nghiên cứu các cách xây dựng, phát triển các bài tiểu luận và viết văn xuôi.

13.8. Viết luận Anh

Môn học được thiết kế nhằm cải thiện khả năng tư duy và kỹ năng giao tiếp mạch lạc và mang tính phản biện cho sinh viên, nhấn mạnh vào quá trình rèn luyện kỹ năng viết. Sinh viên sẽ được yêu cầu đọc và phân tích các đoạn văn xuôi cũng như lưu trữ và tổng hợp và các nguồn tài liệu. Môn học này được thiết kế nhằm giúp sinh viên cải thiện kỹ năng viết và nghiên cứu các chiến lược viết nhằm giúp cho sinh viên đạt được thành công cả trong môi trường đại học lẫn tại các nơi khác. Việc viết tốt đòi hỏi tư duy phê phán và kỹ năng đọc, cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, chính vì vậy, môn học sẽ tạo điều kiện cho sinh viên phân tích các bài tiểu luận cũng như luyện tập các kỹ thuật viết khác nhau.

13.9. Viết văn Anh

Mỗi sinh viên sẽ được yêu cầu thể hiện sự thành thạo tăng tiến dần ở mỗi dạng văn viết, chẳng hạn như nguyên nhân và hệ quả, so sánh và tương phản, cũng như một số kỹ thuật viết văn cơ bản như tường thuật, mô tả, đánh giá, phân tích và lập luận thuyết phục. Mỗi sinh viên phải viết về các chủ đề, sau đó tiến tới mở rộng và phát triển chủ đề đó thành một đề tài cụ thể nhằm thể hiện một cách hiệu quả và nhất quán ý tưởng trung tâm của bài văn. Môn học sẽ đặt trọng tâm vào các nguyên tắc cơ bản trong viết văn như tính thống nhất, tính mạch lạc, tính chuyển tiếp và cú pháp. Trong suốt thời gian khóa học, sinh viên sẽ phải hoàn thành ba bản báo cáo môn học cơ bản bằng cách sử dụng nguồn tài liệu của Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại (MLA).

Môn học này nhằm mục đích truyền đạt một cách rõ ràng cho sinh viên các vấn đề xoay quanh nền văn học đa sắc tộc. Môn học này cũng cung cấp một nền tảng kiến thức vững chắc để từ đó sinh viên có thể học chuyển tiếp lên các môn học văn học nâng cao hơn.

13.10. Văn học và Shakespeare

Trong môn học này, chúng ta sẽ cùng nghiên cứu các tác phẩm của Shakespeare thuở mới vào nghề để trả lời cho câu hỏi liệu có cần thiết phải tách bạch giữa các tác phẩm này với các tác phẩm sau này của vị kịch gia. Mục tiêu của chúng ta trong suốt Môn học là nghiên cứu những câu hỏi bắt nguồn từ các vở kịch được Shakespeare sáng tác trong những năm đầu sự nghiệp, những câu hỏi góp phần định hình các cuộc thảo luận về những kiệt tác sau này của ông. Làm sao những vở kịch đầu tay này trả lời được cho các câu hỏi về giới tính, tình dục, quyền lực và đẳng cấp. Làm

sao để thẩm nhuần ý nghĩa của những vở kịch như Hamlet thông qua lăng kính mà bạn có được khi đọc xong Titus Andronicus – để từ đó, hiểu rõ hơn về “sự trưởng thành” trong vai trò là kịch gia của Shakespeare?

Các tác phẩm của William Shakespeare đã và đang là chủ đề của nhiều bài phê bình văn học và lịch sử vĩ đại. Môn học này nhằm mục đích cung cấp một cái nhìn tổng quan về bản chất của các bài phê bình bằng cách khám phá các khía cạnh về mặt lý thuyết trong các tác phẩm của Shakespeare. Các ý tưởng chính được lồng ghép trong Môn học này bao gồm các ý tưởng trong các lĩnh vực như phân tâm học, chủ nghĩa lịch sử mới, chủ nghĩa duy vật văn hóa, chủ nghĩa hiện thực mới, nghiên cứu về giới và lý thuyết đồng tính và phê bình hậu chủ nghĩa thực dân. Nhìn chung, sinh viên sẽ có cơ hội khám phá một cách có chiều sâu và ứng dụng của những lý thuyết này cũng như những các lý thuyết, tư tưởng khác liên quan đến các tác phẩm của Shakespeare.

13.11. Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20

Môn học này được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên về các phong trào văn học ở Anh trong suốt thế kỷ 20. Nội dung môn học sẽ tập trung vào những thay đổi chính trị xã hội diễn ra liên tục trong xã hội Anh thời Hiện đại và Hậu hiện đại. Sinh viên sẽ áp dụng các phương thức như journaling (hình thức ghi chú gần giống với ghi nhật ký), thảo luận trên lớp, viết bài tiểu luận và thuyết trình nhằm đánh giá tác động của Chủ nghĩa đế quốc lên thế giới thời hiện đại và vai trò của kể chuyện thông qua tiểu thuyết viễn tưởng.

13.12. Ngoại ngữ

Đây là nội dung ngoại ngữ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ TOEIC 500 đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

13.13. Tin học

Các môn tin học trang bị cho sinh viên khối ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Bao gồm 02 học phần:

13.13.1. Công cụ xử lý hình ảnh

Adobe Photoshop (gọi tắt là Photoshop) là một trong những phần mềm chỉnh sửa ảnh tốt nhất, giúp sinh viên thỏa sức sáng tạo, giúp biến những hình ảnh bình thường trở thành kiệt tác. Bằng phương pháp giảng dạy đơn giản, dễ hiểu, kết hợp thực hành, học phần sẽ giúp học viên biết cách sử dụng các công cụ, tính năng trong Photoshop; từ đó học viên sẽ tự tay chỉnh sửa và sáng tạo nên được những bức ảnh trở nên sống động, sáng tạo theo ý thích riêng, cùng với hiệu ứng chữ đẹp mắt, ... Khóa học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và tư duy thiết kế mà không phải khóa học nào cũng tích hợp và truyền tải tới học viên của mình, từ những kiến thức về bố cục ảnh, bộ lọc màu phù hợp, hiệu ứng phù hợp cho tới tư duy màu sắc thiết kế, ...

13.13.2. Công cụ quản lý dự án

Học phần giúp sinh viên hiểu về cách lập tiến độ thi công, hiểu sâu, cách làm project và sử dụng thành thạo các công cụ trong MS Project để lập tiến độ thi công, lập tiến độ thi công sát với thực tế, lập tiến độ bằng Project chuyên nghiệp.

13.13.3 Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu

Giúp SV có kiến thức cơ bản về phương pháp, kỹ thuật cụ thể, khi xử lý số liệu bằng phần mềm chuyên dụng SPSS, góp phần hình thành kỹ năng xử lý và phân tích số liệu nhằm nâng cao giá trị khoa học của các số liệu nghiên cứu. Nắm vững và sử dụng thành thạo các công cụ phân tích định lượng để áp dụng vào các bài nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp Đại học, luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ, ... Có các kỹ năng cơ bản về: Nghiên cứu định lượng, chọn mẫu, Cronbach's Alpha, EFA, tương quan và hồi quy đơn, tương quan và hồi quy bội, kiểm định giả thuyết về trị trung bình...

13.14. Toán cao cấp

Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép tính vi phân đối với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân

13.15. Xác suất và thống kê

Học phần được kết cấu thành 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung:

Phần xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.

Phần thống kê bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; Các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

13.16. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244GD-ĐT, ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13.17. Giáo dục Quốc phòng

Nội dung ban hành tại Quyết định số 122000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 29/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13.18. Kinh tế vi mô

Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo

13.19. Kinh tế vĩ mô

Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế. Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

13.20. Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

13.21. Kinh tế lượng

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

13.22. Quản trị học

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp ủa nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

13.23. Quản trị chiến lược

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

13.24. Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn

Học phần cung cấp những kiến cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân lực, hoạch định, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề liên quan trong kinh doanh khách sạn.

13.25. Quản trị tài chính

Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tài chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

13.26. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Môn học bao gồm 9 chương trình bày các kiến thức của phương pháp nghiên cứu khoa học và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phần mềm thống kê, viết báo cáo nghiên cứu và phân tích tổng hợp thông tin để đề xuất giải pháp cần nghiên cứu. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy như phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm.

13.27. Nhập môn du lịch và khách sạn

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế.

13.28. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Học phần giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trong lãnh thổ Việt Nam tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

13.29. Du lịch và môi trường

Học phần Bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững giúp học sinh cái nhìn tổng quan về hướng phát triển ngành du lịch trong tương lai thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay, hướng đến việc xây dựng những công trình du lịch xanh, gắn với việc bảo vệ môi trường.

13.30. Kinh doanh du lịch MICE

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế.

13.31. Du lịch sinh thái

Trong khuôn khổ của học phần này, những tính chất đặc trưng, quy tắc phát triển, quản lý và kinh doanh sản phẩm du lịch sinh thái theo hướng bền vững sẽ được tìm hiểu, phân tích và nghiên cứu từ đó cho phép chúng ta phân biệt được sự khác nhau cũng như mối quan hệ chặt chẽ giữa du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác. Trong quá trình học, các định nghĩa, mô hình phát triển, đặc điểm thị trường, đặc điểm nhu cầu tiêu dùng, các nguyên tắc quản lý của du lịch sinh thái sẽ được phân tích và đánh giá trên nhiều góc độ khác nhau thông qua các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhiều nghiên cứu tình huống trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế sẽ được sử dụng để phân tích và đánh giá.

13.32. Bảo vệ môi trường

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: Các thành phần của môi trường; Ô nhiễm môi trường; khái niệm về ô nhiễm môi trường; hiện trạng môi trường ở Việt Nam, trên toàn cầu và nguyên nhân của tình trạng này; Các nguyên lý của sinh vật học như cấu trúc của sự sống, cơ chế hoạt động của hệ sinh thái; các vòng tuần hoàn sinh địa hóa và tuần hoàn dòng năng lượng; cân bằng của hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các ứng dụng của chúng trong khoa học môi trường; Các vấn đề nền tảng của môi trường và phát triển bền vững bao gồm: dân số và phát triển dân số; lương thực và thực phẩm của loài người; năng lượng và phát triển bền vững; Các hiểu biết cần thiết về luật môi trường; giáo dục bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

13.33. Tổ chức và điều hành tour

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

13.34. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch

Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý giao tiếp trong du lịch; nhằm giúp sinh viên vận dụng các phương pháp tâm lý và tâm lý xã hội để tìm hiểu tâm lý xã hội của con người trong du lịch; có kỹ năng giao tiếp và ứng xử đối với khách du lịch; kỹ năng nhận biết và giải thích được một số hành vi trong ứng xử với khách du lịch. giúp sinh viên có đủ khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức trong kinh doanh, quản trị các dịch vụ du lịch.

13.35. Tuyển điểm du lịch Việt Nam

Tuyển điểm du lịch là môn học dành cho sinh viên chuyên ngành du lịch, gồm 2 phần: phần một nghiên cứu lý thuyết về tuyển, điểm du lịch, tầm quan trọng của tuyển điểm du lịch trong hoạt động du lịch, các kỹ năng xây dựng tuyển, điểm du lịch; phần hai đi sâu tìm hiểu các tuyển điểm du lịch ở 3 vùng du lịch trong cả nước. Đây là môn học bổ trợ cho môn Nghiệp vụ hướng dẫn du

lịch và Xây dựng và quản lý tours. Môn học cung cấp nhiều kiến thức lịch sử, địa lý, văn hóa, xã hội và kỹ năng cơ bản xây dựng tuyến điểm du lịch

13.36. Marketing du lịch quốc tế

Là một chủ đề đặc biệt trong tiếp thị, học phần này cung cấp kiến thức tiếp thị của du lịch và khách sạn. Các chủ đề chính bao gồm: tiếp thị các sản phẩm và điểm đến du lịch của khu vực công và tư nhân; toàn cầu hóa khách sạn và du lịch; chiến lược tiếp thị điểm đến; quy trình quyết định của người tiêu dùng; liên minh chiến lược của các nhà điều hành du lịch và khách sạn đa quốc gia; tiếp thị thương hiệu và dịch vụ; tiếp thị du lịch bền vững; ý nghĩa của hệ thống giao thông đối với hoạt động du lịch; và tiếp thị điện tử.

13.37. Quản trị tổ chức hội nghị và sự kiện

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng để có thể quản trị được một sự kiện, bao gồm: Tổng quan về việc quản trị sự kiện với những hiểu biết về các loại hình sự kiện, đặc điểm, vai trò, kỹ năng cần thiết để có thể quản lý được một sự kiện; Các phương pháp để lập được một bản kế hoạch sự kiện, bản dự toán ngân sách; Chương trình hành động cho việc thực hiện một sự kiện; Danh sách các việc cần thiết cho quá trình điều hành trước, trong và sau sự kiện; và Kỹ năng trình bày trước công chúng hiệu quả của một người quản trị sự kiện.

13.38. Thiết kế và kinh doanh dịch vụ du lịch

Trang bị những kiến thức về khái niệm, vai trò của dịch vụ du lịch, sản phẩm của kinh doanh dịch vụ du lịch, thị trường khách của dịch vụ du lịch; xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp du lịch, cách thức đàm phán, làm việc với các đơn vị kinh doanh liên quan; những nguyên tắc thiết kế và kinh doanh dịch vụ du lịch, cách tiếp cận và phương pháp xây dựng mô hình tổ chức cho hãng du lịch, chức năng và phạm vi trách nhiệm của một số phòng ban cơ bản trong doanh nghiệp dịch vụ du lịch; tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình tour và tổ chức bán chương trình tour.

13.39. Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch nội địa

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hướng dẫn áp dụng vào du lịch như chương trình tour du lịch, các thành phần tham gia vào tour du lịch, phương pháp thuyết minh tại điểm, phương pháp thuyết minh trên tuyến, cơ cấu đoàn khách, hành vi ứng xử và giải quyết các tình huống trong khi làm hướng dẫn đoàn.

13.40. Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

Nghề hướng dẫn viên du lịch quốc tế được đánh giá là một công việc khá thú vị vì có thu nhập cao, được đi du lịch mà không phải mất tiền và đặc biệt hơn là được gặp nhiều bạn bè khắp năm châu, hiểu biết thêm về nền văn hóa, phong tục tập quán, thưởng thức những món ăn ngon, khám phá các danh lam thắng cảnh hùng vĩ khi bạn tham gia dẫn tour.

Thông qua học phần này, những hướng dẫn viên quốc tế tương lai phải biết cách đưa khách ra nước ngoài, phải biết làm thủ tục xuất nhập cảnh, thủ tục lên xuống máy bay (check-in, check-out) và có kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh hay sự cố nếu có xảy ra ở hải ngoại hay trên đường vận chuyển.

13.41. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ nắm vững những kiến thức cơ bản về tâm lý học nói chung và tâm lý khách du lịch nói riêng; biết vận dụng các yếu tố và quy luật tâm lý vào hoạt động du lịch; đồng thời hình thành ý thức phục vụ khách chuyên nghiệp hơn thông qua việc thấu hiểu đặc điểm tâm lý của các nhóm khách du lịch.

13.42. Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí

Học phần này tập trung vào những nội dung chủ yếu về các nguyên tắc quản trị dịch vụ vui chơi giải trí, xây dựng chiến lược dịch vụ, phân tích mô hình 5 khoảng cách về chất lượng dịch vụ, quản trị thiết kế và phát triển dịch vụ, và tổ chức triển khai hoạt động dịch vụ để đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Môn học giúp cho học viên chuyên ngành nhà hàng khách sạn có những kiến thức và những kỹ năng cơ bản về quản trị dịch vụ vui chơi và giải trí.

13.43. Quản trị khuyến mãi

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên cái nhìn sâu sắc về các ý tưởng, nguyên tắc và khái niệm cơ bản có thể được sử dụng để thông báo cho người tiêu dùng về tính sẵn có và các thuộc tính của sản phẩm và dịch vụ.

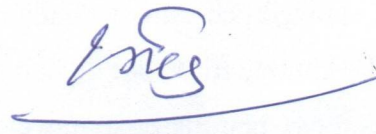
Khóa học bao gồm một tổng quan toàn diện về các hoạt động và chiến thuật quản lý bán hàng và quảng cáo. Trọng tâm sẽ là truyền thông đại chúng hơn là bán hàng cá nhân.

Sự nhấn mạnh đặc biệt sẽ được đưa ra để quảng cáo hệ thống xã hội của chúng tôi và như một công cụ kinh doanh.

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Phạm Quý Ty

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn